

Những yếu tố gây khó khăn khi thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển nông thôn mới

Hindering factors in the implementation of infrastructure construction projects for rural development

> LÊ HOÀI LONG¹, TRẦN BÍCH TUYẾN²

¹Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia TP.HCM; Email: lehoailong@hcmut.edu.vn

²Trường Đại học Mở TP.HCM; Email: tuyentb.208c@ou.edu.vn

TÓM TẮT

Nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế, vấn đề xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng (CSHT) được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm lâu dài không chỉ ở khu vực thành thị mà cả các vùng nông thôn trong đó có huyện Củ Chi. Các dự án đầu tư khi thực hiện sẽ chịu chi phối bởi nhiều yếu tố. Nghiên cứu nhằm mục đích xác định những yếu tố gây khó khăn khi thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng tại huyện Củ Chi giai đoạn 2010 - 2020 để khắc phục, hạn chế và cải thiện các yếu tố bất lợi cho các dự án sẽ triển khai trong giai đoạn kế tiếp. Nghiên cứu được thực hiện thông qua việc thu thập dữ liệu bằng bảng câu hỏi; tiến hành khảo sát ý kiến các chuyên gia có sự khác nhau về kinh nghiệm, vai trò, quy mô, loại dự án, chức năng của cơ quan đối tượng được khảo sát. Phương pháp nghiên cứu trị trung bình được áp dụng. Kết quả đã tổng hợp được 34 yếu tố có ảnh hưởng lên các dự án. Trong đó, 17 yếu tố được nhận định là gây khó khăn hay bất lợi lên quá trình thực hiện các dự án đầu tư phát triển CSHT tại huyện Củ Chi trong giai đoạn qua. Các yếu tố khó khăn được xếp hạng theo đánh giá từ cao nhất đến thấp nhất; từ đó, các bên tham gia thực hiện cần quan tâm, hạn chế và có được phương án hợp lý để nâng cao hiệu quả các mục tiêu đã đề ra cho các dự án này trong giai đoạn kế tiếp.

Từ khóa: Cơ sở hạ tầng; yếu tố ảnh hưởng; yếu tố khó khăn; phát triển nông thôn; ngành Xây dựng; dự án công; chậm tiến độ; vượt chi phí.

ABSTRACT

To create favorable conditions for economic development, the issue of building and gradually completing infrastructure (infrastructure) is identified as a long-term key task not only in urban areas but also in rural areas in the region. Many factors will influence the implementation of investment projects. The study aims to identify the factors that cause difficulties when implementing infrastructure construction projects in the Cu Chi district in 2010-2020 to overcome, limit and improve the adverse factors for the future projects. The research is carried out through data collection by questionnaire; survey experts with different experiences, roles, sizes, types of projects, and functions of the surveyed target agencies. The average study method was applied. The results have synthesized 34 factors that affect the projects. Of these, 17 are considered detrimental to the infrastructure development investment projects in the Cu Chi district in the past period. The difficulty factors are ranked by rating from highest to lowest; from there, the parties involved in the implementation need to pay attention, limit, and have a reasonable plan to improve the effectiveness of the goals set out for these projects in the next period.

Keywords: Infrastructure; factors affecting; difficulty factor; rural development; construction industry; public project; delay; cost overrun.

1. GIỚI THIỆU

Huyện Củ Chi là một trong năm huyện ngoại thành đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) của TP.HCM sau khi tổng kết đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2010 - 2020. Trong đó việc đầu tư xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật được đặt lên hàng đầu. Đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn huyện.

Góp phần ổn định tình hình xã hội và hạ tầng đô thị, cải tạo cảnh quan môi trường góp phần đưa Củ Chi trở thành một huyện hiện đại, văn minh, giàu đẹp. Theo báo cáo thống kê về kết quả đầu tư CSHT đạt được giai đoạn 2010 - 2020, có 6.420 hộ dân trên địa bàn hiến 760.137 m² đất và đóng góp vật kiến trúc với tổng trị giá là 377,332 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các công trình đầu tư CSHT. Hệ thống trường học các cấp, trung tâm y tế xã, trung tâm

văn hóa được nâng cấp sửa chữa và xây mới. Mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh, có 2.107 tuyến đường và 213 tuyến hẻm, có chiều dài 1.434 km được bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng, đã kết nối liên thông các tuyến đường từ huyện đến xã, phục vụ tốt cho việc đi lại của người dân, vận chuyển nông sản và vật tư phục vụ sản xuất. Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện được đầu tư, nâng cấp với 492 tuyến kênh các cấp với tổng chiều dài là 379.273m, 613 tuyến kênh rạch, mương tiêu với tổng chiều dài 822,84 km, phục vụ tưới tiêu cho 12.000 ha đất sản xuất và dân sinh. Kết thúc giai đoạn này, mạng lưới giao thông của huyện cũng đã hoàn thiện đáng kể, liên thông từ huyện đến xã; trường học, bệnh viện, trạm y tế, nhà văn hóa được cải tạo, xây mới phục vụ tốt cho đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn.

Tuy nhiên, việc phát triển và hoàn thiện CSHT là một nhiệm vụ dài hạn, được phân thành nhiều giai đoạn, cần phải hạn chế các khó khăn và phát triển các ưu điểm là việc làm vô cùng quan trọng. Do đó, trải qua giai đoạn này, nhận thấy công tác quản lý tuy có nhiều thuận lợi nhờ sự quan tâm ủng hộ của người dân và các cấp chính quyền nhưng vẫn còn gặp không ít khó khăn. Một số công trình xây dựng chậm công tác giải phóng mặt bằng, quy hoạch chưa đồng bộ, thi công xảy ra có sai lệch thiết kế, công tác an toàn trên công trường còn chưa được chú trọng... gây ảnh hưởng lên tiến độ thi công dự án và chậm giải ngân vốn đầu tư của địa phương. Chính vì vậy cần phải xác định *những yếu tố gây khó khăn khi thực hiện các dự án xây dựng CSHT giai đoạn 2010 -2020* nhằm góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng cho các dự án triển khai trong giai đoạn tiếp theo là vấn đề rất cần thiết.

2. TỔNG QUAN

2.1. Định nghĩa về dự án đầu tư công và cơ sở hạ tầng:

"Dự án đầu tư công là dự án do Chính phủ cấp vốn toàn bộ hoặc một phần hay do người dân tự nguyện đóng góp bằng tiền, bằng ngày công nhằm đáp ứng lợi ích cho cộng đồng. Ngoài ra có thể mở rộng hơn, dự án công là dự án được Chính phủ hoặc chính quyền sở tại đề xuất kêu gọi tài trợ quốc tế. Cũng được xem là dự án công cho dù dự án đó do một đơn vị kinh doanh thực hiện nếu nó hướng đến việc nâng cao phúc lợi công cộng" [1].

Cơ sở hạ tầng là một khái niệm dùng để chỉ những bộ phận kết cấu, nền tảng cho việc phát triển nền kinh tế. Dựa theo các tiêu chí khác nhau nên CSHT cũng được phân thành nhiều loại, bao gồm: Theo lĩnh vực kinh tế, xã hội; Theo các ngành kinh tế quốc dân; Theo vùng lãnh thổ, khu vực dân cư; Theo cấp quản lý; Theo tính chất, đặc điểm. Tuy nhiên nghiên cứu này chỉ nghiên cứu dựa trên phân loại theo cấp quản lý là CSHT được chia thành các cấp do trung ương quản lý và do địa phương quản lý:

- Trung ương quản lý bao gồm CSHT có quy mô lớn gồm hệ thống đường quốc lộ, đường sắt, sân bay, bến cảng...

- Địa phương quản lý gồm: CSHT giao cho tỉnh/huyện/xã như cầu đường, kênh rạch, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa....

CSHT nói chung và CSHT nông thôn là một trong những điều kiện cơ bản đảm bảo cho việc phát triển kinh tế và cải thiện sinh kế cho người dân địa phương.

2.2. Một số các nghiên cứu trước đây về dự án đầu tư:

Trong nước, một cuộc khảo sát nhằm xác định các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự tăng chi phí và làm chậm tiến độ thi công đối với các dự án có nguồn vốn ngân sách nhà nước. Cụ thể trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2015 - 2020, việc điều chỉnh dự toán theo hướng điều chỉnh tăng xảy ra tại hầu hết các gói thầu, dự án thuộc nguồn vốn đầu tư công. Các yếu tố ảnh hưởng đến dự toán rất đa dạng, phát sinh từ nhiều nguyên nhân

khác nhau: Chủ đầu tư muốn thay đổi công năng sử dụng của dự án; biện pháp thiết kế - thi công không phù hợp; Các nhà thầu thi công chậm so với tiến độ đề ra; vướng mắc ở công tác giải phóng mặt bằng (GPMB); điều kiện tự nhiên bất lợi. Cả sáu nhóm yếu tố này đều có tác động mạnh mẽ và thuận chiều đối với việc tăng chi phí và làm chậm tiến độ các dự án công [2]. Không ít công trình thủy lợi bị chậm tiến độ khi thi công ảnh hưởng đến chi phí, gây lãng phí cho ngân sách, nghiên cứu này cho thấy kết quả cho thấy có 06 nhóm nhân tố chính liên quan gây chậm trễ trong thi công bao gồm: nhóm kỹ thuật, nhóm tác động bất thường ở công trình, nhóm con người, nhóm quy trình, nhóm thiết kế và cuối cùng là nhóm pháp lý (Huế và Sơn năm 2020) [3]. Theo tác giả nghiên cứu vào năm 2019 (Anh, T. T. và Thảo, N. T. T., 2019), hiện nay trong giai đoạn đẩy mạnh phát triển CSHT, nâng cao hệ thống giao thông, để đảm bảo các dự án thực hiện đúng tiến độ, cần nhận diện và kiểm soát được các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian thực hiện dự án. Tác giả đã xác định các yếu tố có tác động đến tiến độ hoàn thành của dự án giao thông tại TP.HCM và các vùng lân cận. Qua nghiên cứu, nhận dạng được nhóm bốn yếu tố chính có tác động đến tiến độ thực hiện dự án là: yếu tố kinh tế - xã hội, chính sách pháp luật, kỹ thuật và phi kỹ thuật bên trong dự án. Sự tương tác giữa chủ đầu tư và nhà thầu là yếu tố rất quan trọng [4]. Ngoài ra, nhận thức của những người tham gia dự án không giống nhau nên những mâu thuẫn phát sinh là điều không tránh khỏi. Mâu thuẫn không được giải quyết thì việc ảnh hưởng đến tiến độ dự án là không tránh khỏi. Nguyễn Trí Minh (2021) đã đưa ra được tổng 10 yếu tố có ảnh hưởng cao nhất lên việc gây ra mâu thuẫn cho chủ đầu tư và nhà thầu, trong đó, "Thay đổi bất lợi trong nguồn kinh phí và Sự chậm trễ trong chi trả của đầu tư" là hai yếu tố được xếp hạng cao nhất, được đánh giá là có ảnh hưởng đáng kể đến thành công của dự án. Nghiên cứu này cũng cho thấy khái quát các mâu thuẫn nghiêng về hướng chủ đầu tư hơn là phát sinh từ nhà thầu [5].

Trên thế giới, các nghiên cứu về những ảnh hưởng đến việc thực hiện các dự án được thực hiện khá nhiều phục vụ cho công tác quản lý dự án đạt hiệu quả tốt nhất. Theo Alfakhrlil và các tác giả (2017) đã thực hiện nghiên cứu các vấn đề làm chậm tiến độ thực hiện lên các dự án kỹ thuật dân dụng ở Libya nói chung, đặc biệt là các dự án liên quan đến xây dựng đường bộ nói riêng, liên tục phải đối mặt với sự chậm trễ [6]. Nghiên cứu này đề xuất một mô hình khái niệm về các yếu tố gây chậm trễ và đưa ra phân tích về mức độ tác động của các loại chậm trễ đã xác định đối với việc hoàn thành các dự án xây dựng đường bộ. Olupitan và Nzeneri (2021) đã xác định các nguyên nhân và tác động nghiêm trọng của việc vượt chi phí đối với các dự án xây dựng khu vực công ở đô thị Port Harcourt. Nghiên cứu cũng xác định các biện pháp có thể được thực hiện để giảm thiểu tác động của chi phí vượt mức đối với các dự án xây dựng khu vực công và thiết lập các yếu tố thành công quan trọng cho các dự án xây dựng khu vực công ở đô thị [7]. Tác giả Guillermo MeJia (2019) đã chỉ ra các nguyên nhân gây chậm trễ tiến độ ở trong các dự án CSHT đường bộ ở các nước đang phát triển giai đoạn từ năm 2000 - 2019. Theo bối cảnh kinh tế từng nước, nghiên cứu này đề xuất một khung nguyên nhân và các hành động giảm thiểu như một đóng góp cho việc phân tích rủi ro của các dự án đường bộ ở các nước đang phát triển [8]. Arditi và cộng sự (2017) đã điều tra nguyên nhân của sự chậm trễ trong các dự án công ở Thổ Nhĩ Kỳ [9]. Kết quả cho thấy thiếu nguồn lực, khó khăn về tài chính của cơ quan công quyền và nhà thầu; sự thiếu sót trong tổ chức và sự chậm trễ trong công việc thiết kế, thay đổi đơn đặt hàng thường xuyên và làm thêm đáng kể là những nguyên nhân quan trọng nhất gây ra sự chậm trễ. Amare (2017) đã kiểm tra nguyên nhân gây ra sự chậm trễ trong các dự án

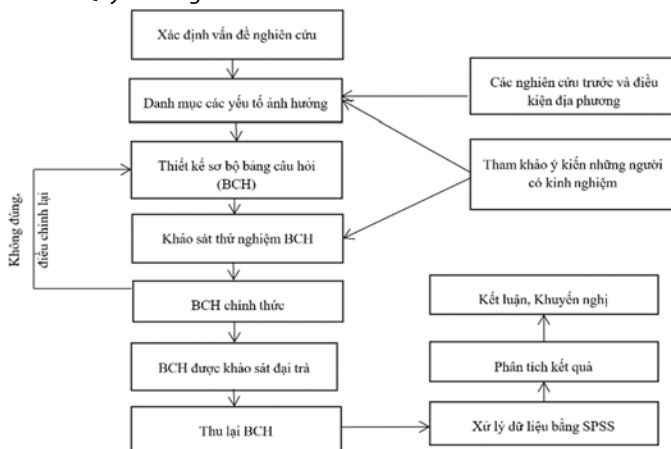
Bảng 1: Mẫu các yếu tố được khảo sát trong nghiên cứu.

TIÊU CHÍ	MỨC ẢNH HƯỞNG	TIÊU CHÍ	MỨC ẢNH HƯỞNG
1. CÔNG TÁC ĐẸN BÙ, GPMB- QUY HOẠCH:	1 2 3 4 5	4. TÀI CHÍNH:	1 2 3 4 5
DB1.Công tác thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	T1.Ngân sách dự án so với nhu cầu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
DB2.Tính thỏa đáng của phương án GPMB	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	T2.Khả năng bố trí vốn của chủ đầu tư	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
DB3.Sự phù hợp trong quy hoạch	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	T3.Năng lực lập kế hoạch vốn của chủ đầu tư	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
...		...	
2. CHỦ ĐẦU TƯ:	1 2 3 4 5	5. THI CÔNG:	1 2 3 4 5
CDT1.Tính minh bạch trong lựa chọn nhà thầu.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	TC1.Tính phù hợp của biện pháp thi công	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
CDT2.Việc chi trả các khối lượng hoàn thành.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	TC2.Khả năng đáp ứng nhu cầu về nhân công	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
CDT3.Các điều khoản trong hợp đồng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	TC3.Thiết bị thi công	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
...		...	
3. NHÀ THẦU THIẾT KẾ VÀ GIÁM SÁT	1 2 3 4 5	6. YẾU TỐ KHÁC:	1 2 3 4 5
TK1.Giá dự toán so với đơn giá thị trường.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	K1.Sự khác biệt giữa thực tế so với khi khảo sát	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
TK2.Tính chính xác trong thiết kế.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	K2.Dịch bệnh, thiên tai.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
TK3. Phương án thiết kế.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	K3.Biến động giá cả nguyên vật liệu.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
...		...	
<i>Các tiêu chí khác mà anh/ chị thấy cần bổ sung:</i>	1 2 3 4 5		
....	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>		

xây dựng, phát hiện ra rằng thời tiết, nguồn cung lao động và nhà thầu phụ là những nguyên nhân chính gây ra sự chậm trễ [10]. Các bên tham gia khảo sát trong nghiên cứu này đều nhất trí về việc xếp hạng các loại yếu tố gây chậm trễ chính như các vấn đề tài chính, quan hệ hợp đồng và quản lý dự án theo thứ tự của chủ sở hữu, nhà thầu và công ty tư vấn.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Quy trình nghiên cứu:



Hình 1. Lưu đồ quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu được trình bày dưới dạng lưu đồ như (Hình 1). Từ vấn đề cần nghiên cứu, tham khảo các nghiên cứu được công bố trước đây; các bài báo khoa học trong và ngoài nước; cùng với việc tham khảo ý kiến chuyên gia có thâm niên trong quản lý nguồn vốn đầu tư công tại địa phương. Tổng hợp một số yếu tố khó khăn từ các nghiên cứu trước và đề xuất của các chuyên gia. Một bảng câu hỏi khảo sát được thiết kế sử dụng thang đo Likert 05 mức độ. Mức độ sử dụng từ 1 “**Khó khăn**”, 2 “**Ít khó khăn**”, 3 “**Trung bình**”, 4 “**Ít thuận lợi**” và 5 “**Thuận lợi**” và tiến hành khảo sát thử nghiệm lấy ý kiến các chuyên gia nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực.

Sau khi chỉnh sửa lại bảng câu hỏi sơ bộ (được dùng để khảo sát thử mức độ đúng đắn phù hợp với nghiên cứu), tiến hành khảo sát đại trà bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp (Face to face) và gián tiếp (Google Forms). Đối tượng tham gia khảo sát, là những người đang công tác tại các bên tham gia thực hiện dự án đầu tư công tại huyện Củ Chi, với bề dày kinh nghiệm từ dưới 05 đến trên 10 năm; đảm nhận các chức năng khác nhau khi thực hiện dự án như: Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế - giám sát, Tư vấn thẩm tra, Nhà thầu thi công; quy mô và loại dự án khác nhau.

Trước hết, việc tìm hiểu cẩn thận và chi tiết các nghiên cứu trước giúp đưa ra danh sách những yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến khó khăn của các dự án xây dựng CSHT tại huyện Củ Chi trong

giai đoạn 2010 - 2020. Sau đó, danh sách này được gửi cho nhóm đối tượng 1 gồm 17 chuyên gia xem xét và chọn lọc lại. Trong 17 chuyên gia có 09 chuyên gia có từ 5 năm kinh nghiệm, có 05 chuyên gia trên 10 năm kinh nghiệm và 03 chuyên gia trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng các dự án có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Các chuyên gia ở nhóm số 1 được yêu cầu kiểm tra tính đầy đủ và phù hợp của yếu tố đối với điều kiện Củ Chi. Một vài yếu tố không phù hợp được loại ra khỏi danh sách này. Ngoài ra, các chuyên gia cũng yêu cầu chỉnh sửa các yếu tố cho phù hợp hơn với thực tế tại địa phương. Từ đó, một bảng câu hỏi được hình thành từ các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện các dự án xây dựng CSHT. Một nhóm 10 chuyên gia khác, cũng là người có nhiều năm kinh nghiệm với các dự án xây dựng CSHT tại địa phương, gồm 6 chuyên gia có kinh nghiệm trên 5 năm và 4 chuyên gia có kinh nghiệm trên 10 năm, đã được mời để tham gia đánh giá bảng câu hỏi thử nghiệm sơ bộ cùng nhóm 17 chuyên gia trước. Bảng câu hỏi được hoàn tất sau 2 vòng kiểm tra khi đạt được sự thống nhất của các chuyên gia về cấu trúc của bảng hỏi và các yếu tố ảnh hưởng bên trong. Bảng câu hỏi cuối cùng gồm 34 yếu tố được hoàn thành và sử dụng để thu thập dữ liệu cho nghiên cứu.

Dùng phần mềm có chức năng về thống kê xử lý và phân tích dữ liệu thu thập được; thông qua phương pháp Cronbach's Alpha, thống kê trung bình xác định các yếu tố khó khăn. Sau đó nhận lại kết quả phân tích và đưa ra kết luận.

3.2. Sơ bộ bảng câu hỏi khảo sát:

Anh/Chị vui lòng cho biết mức độ ảnh hưởng của những yếu tố sau đây khi thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng tại huyện Củ Chi trong giai đoạn 2010 - 2020. Anh/Chị vui lòng đánh vào ô trống theo thang đo tuyến tính như sau:

Mức độ tác động thay đổi từ 1 → 5 theo ý nghĩa như sau:

(1) **Khó khăn:** Yếu tố này luôn tác động làm suy giảm các mục tiêu dự án đã đặt ra như tiến độ thực hiện, mức độ giải ngân....

(2) **Ít khó khăn:** Yếu tố này có thể làm suy giảm một số mục tiêu của dự án hoặc chỉ tác động xấu đến một số dự án chứ không phải tất cả các dự án.

(3) **Trung tính:** Yếu tố này dù có hay không cũng không tác động lên các mục tiêu dự án đã đặt ra.

(4) **Ít thuận lợi:** Yếu tố này có thể làm tăng khả năng đạt được các mục tiêu của dự án hoặc chỉ làm tăng mục tiêu đến một số dự án chứ không phải tất cả các dự án.

(5) **Thuận lợi:** Yếu tố này luôn làm tăng khả năng đạt được các mục tiêu mà dự án đã đặt ra.

Danh mục các yếu tố chính trong Bảng câu hỏi cuối cùng đưa vào khảo sát đại trà. Do giới hạn bài báo, một đoạn ví dụ về các yếu tố khảo sát được trình bày trong Bảng 1.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Sau khi thu về dữ liệu gồm 153 bảng câu hỏi phản hồi hợp lệ. Tất cả các bảng câu hỏi phản hồi đều được kiểm tra sự phù hợp, sự đầy đủ của phản hồi. Dữ liệu sau sàng lọc sơ bộ được kiểm tra mức độ phù hợp của thang đo sử dụng hệ số Cronbach's Alpha. Hệ số của kiểm định độ tin cậy đạt 0,895 trên mức 0,6 yêu cầu. Do đó, việc sử dụng dữ liệu để phân tích đã sẵn sàng và đáng tin cậy. Tất cả 34 yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện các dự án xây

dựng CSHT tại huyện đã xác định đều được tính toán trị trung bình và được xếp hạng dựa vào trị trung bình tính toán được theo thứ tự từ thấp đến cao (mức độ khó khăn giảm dần). Chủ đầu tư và các nhà thầu là những thành phần tham gia chính trong một dự án, do đó tiến hành xem xét mức độ nhận diện khó khăn qua góc nhìn của các đối tượng này. Trong đó, các mức đánh giá định tính được quy ước thông qua các khoảng trung bình điểm số của các yếu tố như sau: 1,00 - 1,80 (làm tròn thành 1) quy ước là "Rất Khó khăn"; 1,81 - 2,60 (làm tròn thành 2) là "Khó khăn"; 2,61 - 3,40 (làm tròn thành 3) là "Trung lập"; và từ 3,41 trở lên được quy ước là "Thuận lợi" hoặc "Rất thuận lợi".

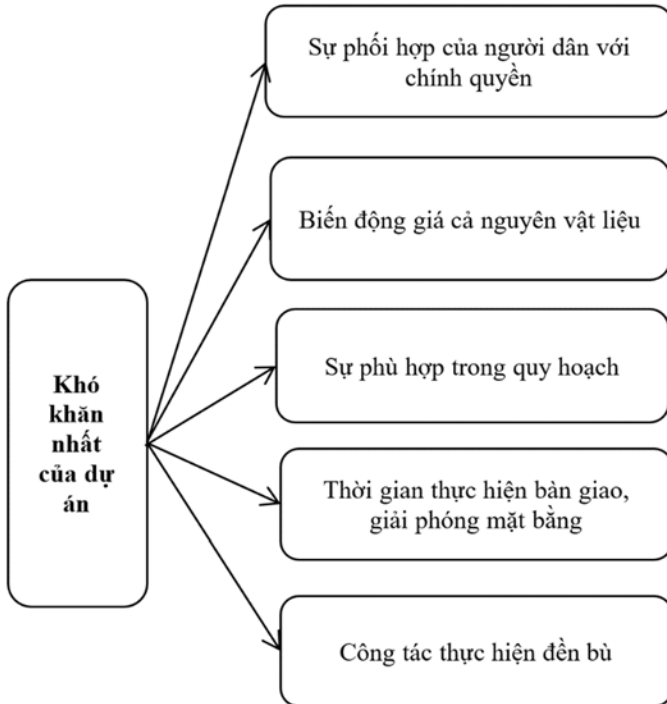
Theo quy ước mức đánh giá định tính như trên, có 17 yếu tố được xác định là gây khó khăn cho các dự án xây dựng CSHT được tổng hợp trong Bảng 2 cho các yếu tố có trung bình từ 1,00 - 2,60:

Bảng 2: Các yếu tố khó khăn ảnh hưởng đến thực hiện các dự án xây dựng CSHT

Tên yếu tố	Kết quả thống kê	
	Trung bình	Xếp Hạng
Sự phối hợp của người dân với chính quyền	1,67	1
Biến động giá cả nguyên vật liệu	1,67	1
Sự phù hợp trong quy hoạch	1,69	2
Thời gian thực hiện bàn giao, giải phóng mặt bằng	1,71	3
Công tác thực hiện đền bù	1,76	4
Ngân sách dự án so với nhu cầu	2,05	5
Giá dự toán so với đơn giá thị trường	2,07	6
Khả năng tài chính của nhà thầu	2,12	7
Năng lực quản lý của chủ đầu tư	2,14	8
An toàn, bảo hộ lao động	2,27	9
Sự phối hợp giữa các bên trong dự án	2,28	10
Năng lực nhà thầu tư vấn giám sát	2,34	11
Năng lực nhà thầu tư vấn thiết kế dự toán	2,35	12
Phát sinh phạm vi công việc so với chủ trương ban đầu	2,35	12
Quyết toán các hạng mục đã hoàn thành	2,39	13
Biện pháp thi công	2,46	14
Năng lực lập kế hoạch vốn của chủ đầu tư	2,60	15

Từ 34 yếu tố ban đầu, nghiên cứu đã phát hiện ra các yếu tố ảnh hưởng tiêu cực, gây ra các khó khăn cho việc thi công các dự án; các yếu tố mang tính chất trung tính và các yếu tố ảnh hưởng

theo hướng thuận lợi tại huyện. Trong 17 yếu tố khó khăn, 5 yếu tố đã được xác định là khó khăn nhất bao gồm: sự phối hợp của người dân với chính quyền; biến động giá cả nguyên vật liệu; sự phù hợp trong quy hoạch; thời gian thực hiện bàn giao, giải phóng mặt bằng; công tác thực hiện đền bù. Cần chú ý khắc phục các khó khăn này để tăng mức độ thành công cho dự án.



Hình 2. Top 5 yếu tố khó khăn khi thực hiện dự án xây dựng CSHT tại huyện Củ Chi

Người dân vừa là đối tượng giám sát, vừa là đối tượng thụ hưởng cuối cùng, do đó được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của người dân là vô cùng quan trọng để dự án từ khi triển khai đến khi đưa vào sử dụng đạt đúng các mục tiêu ban đầu đã đề ra. Quy hoạch và đền bù cũng là một vấn đề phát sinh nhiều khó khăn trở ngại cho quá trình thực hiện dự án. Ngoài các lý do vướng mặt bằng do người dân thì quy hoạch từ Trung ương đến địa phương còn mang tính chất thiếu đồng bộ, thiếu thực tế. Mỗi một vùng lại có nếp sống và văn hóa khác nhau làm cho quy hoạch phải tiến hành cục bộ để đáp ứng được nhu cầu trước mắt, dẫn đến khi triển khai dự án vướng ngay từ khâu không có mặt bằng để thi công, càng vướng mặt bằng lâu thì chi phí cho đền bù ngày càng tăng cao do trượt giá và phát sinh nhiều mâu thuẫn giữa người dân đối với chính quyền. Tuy nhiên, dù có đưa ra phương án đền bù, hỗ trợ vẫn khó được người dân đồng tình vì nhiều lý do, trong đó nổi cộm là vấn đề áp giá đền bù quá thấp so với giá thực tế và hỗ trợ di dời khó chấp nhận. Vấn đề khó khăn không thể tránh khỏi nữa đó chính là biến động giá cả thị trường, đây là vấn đề thường niên, tuy không tránh khỏi nhưng việc hạn chế tình trạng này có thể được xử lý bằng những phương án mà nhà thầu và chủ đầu tư dự phòng trước cho tình huống nhằm hạn chế tối đa các bất lợi do việc trượt giá kéo dài gây ra tình trạng mất khả năng cân đối nhu cầu cung cấp nguyên vật liệu gây ra thiếu hụt, vượt tổng mức đầu tư gây ra hụt nguồn tiền chi trả và dự án càng kéo dài thì càng làm cho người dân bất mãn.

Các yếu tố khó khăn khi thực hiện dự án xây dựng CSHT tại huyện cần đặc biệt chú ý, bởi các yếu tố này đang diễn biến theo hướng ảnh hưởng khó khăn, rất cần được cải thiện, hạn

chế mức độ xảy ra vì gây suy giảm nghiêm trọng lên kết quả thực hiện dự án.

5. KẾT LUẬN

Trong 34 yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện các dự án xây dựng CSHT tại địa phương, nghiên cứu đã nhận diện được 17 yếu tố khó khăn, trong đó 5 yếu tố khó khăn nhất làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện dự án như hình 2 và xếp hạng từ khó khăn nhất đến hết thông qua phương pháp đánh giá trị trung bình. Từ kết quả này giúp cho các dự án triển khai trong giai đoạn sau tại địa phương có thể nhận diện khó khăn để hạn chế, hoặc đưa ra các phương án nhằm khắc phục nâng tỷ lệ thành công khi thực hiện dự án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Quốc hội (2014) “Luật xây dựng” số 50/2014/QH13, ngày 18/6/2014.
 [2] “Khảo sát các nguyên nhân ảnh hưởng đến việc tăng chi phí và chậm trễ tiến độ thi công đối với các dự án đầu tư công” <https://moc.gov.vn/tin-tuc/71732/khao-sat-cac-nguyen-nhan-anh-huong-den-viec-tang-chi-phi-va-cham-tre-tien-do-thi-cong-doi-voi-cac-du-an-dau-tu-cong.aspx>.
 [3] Huế, N. H., & Sơn, N. V. “Phân tích, đề xuất biện pháp quản lý rủi ro gây chậm tiến độ thi công của công trình thủy lợi, thủy điện ở Việt Nam.”
 [4] Anh, T.T., & Thảo.N.T.T.(2019). “Các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian thực hiện dự án công trình giao thông tại TP. HCM và các vùng lân cận”. Tạp chí Phát triển kinh tế, 50-55.
 [5] Minh, N. T. (2022). “Yếu tố gây mâu thuẫn giữa chủ đầu tư và nhà thầu gây chậm trễ trong xây dựng ở TP.HCM”. Tạp chí Vật liệu & Xây dựng - Bộ Xây dựng, 12(02).
 [6] Alfakhri, A., Ismail, A., Muhamad, A. K., Arhad, I., & Irtema, H. (2017). “A conceptual model of delay factors affecting road construction projects in Libya”. Journal of Engineering Science and Technology, 12(12), 3286-3298.
 [7] Olupitan, A. L., Ajator, U. O., & Nzeneri, O. P. “The Critical Causes and Effects of Cost Overruns in Public Sector Construction Projects in Port Harcourt”.
 [8] Mejía, guillermo, et al. “Delay causes in road infrastructure projects in developing countries.” Revista de la construcción 19.2 (2020): 220-234.
 [9] Ardití, d., nayak, s., & damci, a. (2017). “Effect of organizational culture on delay in construction”. International journal of project management, 35(2), 136-147.
 [10] Amare, y., quezon, e. T., & busier, m. (2017). “Causes of delays during construction phase of road projects due to the failures of contractor, consultant, and employer in addis ababa city road authority”. International journal of scientific & engineering research, 8(3), 15-25.